

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **8653**/UBND-KTNS

V/v biểu dương, phê bình kết quả  
giải ngân vốn đầu tư công  
(từ ngày 30/9/2025 đến 09/10/2025)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày **30** tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Tiếp theo Công văn số 6928/UBND-KTNS ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc biểu dương, phê bình kết quả giải ngân vốn đầu tư công.

Trong thời gian từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 09 tháng 10 năm 2025, trên toàn tỉnh giải ngân số tiền là 182.566 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,51% kế hoạch vốn được giao. Để tiếp tục khuyến khích, đẩy mạnh và hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Biểu dương các đơn vị:

a) 03 đơn vị có tỷ lệ giải ngân cao nhất, liên tiếp 02 giai đoạn theo lũy kế giải ngân từ ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025 và từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 09 tháng 10 năm 2025, cụ thể:

- (1) Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa;
- (2) Ban Quản lý dự án khu vực 01;
- (3) Ban Quản lý dự án khu vực 06;

b) 02 đơn vị có giá trị giải ngân cao nhất theo lũy kế giải ngân từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 09 tháng 10 năm 2025:

- (1) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai;
- (2) Ban Quản lý dự án khu vực 07;

Đề nghị các đơn vị được biểu dương tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, kịp thời chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay để các đơn vị khác tham khảo, áp dụng.

2. Phê bình, chấn chỉnh 04 đơn vị có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công rất thấp, liên tiếp 02 giai đoạn theo lũy kế giải ngân từ ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025 và từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 09 tháng 10 năm 2025, làm ảnh hưởng đến kết quả chung của tỉnh, cụ thể gồm:

- (1) Sở Xây dựng (tỷ lệ giải ngân 0,1%);

(2) Sở Công Thương (tỷ lệ giải ngân 1,6%);

(3) Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Cẩm Mỹ (tỷ lệ giải ngân 2,0%);

(4) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai (tỷ lệ giải ngân 6,0%).

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị trên khẩn trương, nghiêm túc làm rõ nguyên nhân, đề ra giải pháp cụ thể để khắc phục, bảo đảm hoàn thành tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian tới.

3. Đối với Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai và Văn phòng Tỉnh ủy trực thuộc Tỉnh ủy Đồng Nai quản lý. Kính đề nghị Thường trực Tỉnh ủy xem xét theo thẩm quyền quy định.

4. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị định kỳ 2 lần/tuần để kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt và nhắc nhở, phê bình các đơn vị chậm tiến độ, không hoàn thành nhiệm vụ được giao./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**Võ Tấn Đức**



**PHỤ LỤC**  
**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC CHỦ ĐẦU TƯ CẤP TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-SNV ngày /10/2025 của Sở Nội vụ)

Đvt: Triệu đồng

| STT      | Đơn vị                                            | Kế hoạch vốn      | Lũy kế giải ngân đến 30/9/2025 | Lũy kế giải ngân đến 09/10/2025 | Tỷ lệ giải ngân 09/10/2025 | Giá trị đã giải ngân từ 30/9/2025 đến 09/10/2025 | Ghi chú                                                           |
|----------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>35.674.974</b> | <b>12.933.126</b>              | <b>13.115.692</b>               | <b>36,25%</b>              | <b>182.566</b>                                   |                                                                   |
| 1        | Báo và Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai     | 10.824            | 9.429                          | 9.429                           | 87,1%                      | 0                                                |                                                                   |
| 2        | Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Biên Hòa   | 181.013           | 145.077                        | 145.077                         | 80,1%                      | 0                                                |                                                                   |
| 3        | Ban Quản lý dự án khu vực 01 (Biên Hòa)           | 727.222           | 573.834                        | 581.815                         | 80,0%                      | 7.981                                            |                                                                   |
| 4        | Ban Quản lý dự án khu vực 07 (Xuân Lộc)           | 362.542           | 274.116                        | 275.425                         | 76,0%                      | 1.309                                            |                                                                   |
| 5        | Ban Quản lý dự án khu vực 06 (Nhơn Trạch)         | 1.826.641         | 1.327.979                      | 1.342.250                       | 73,5%                      | 14.271                                           |                                                                   |
| 6        | Ban QLDA khu vực Bù Đốp                           | 229.147           | 164.480                        | 166.420                         | 72,6%                      | 1.940                                            |                                                                   |
| 7        | BQLDA khu vực Đồng Phú                            | 530.708           | 356.369                        | 356.568                         | 67,2%                      | 199                                              |                                                                   |
| 8        | Ban QLDA khu vực Phú Riềng                        | 335.002           | 219.939                        | 219.939                         | 65,7%                      | 0                                                |                                                                   |
| 9        | Ban Quản lý dự án khu vực 08 (Cẩm Mỹ)             | 222.336           | 140.910                        | 142.762                         | 64,2%                      | 1.852                                            |                                                                   |
| 10       | Ban Quản lý dự án khu vực Phước Long              | 150.949           | 91.133                         | 96.303                          | 63,8%                      | 5.170                                            |                                                                   |
| 11       | Ban QLDA khu vực Lộc Ninh                         | 238.128           | 150.104                        | 150.104                         | 63,0%                      | 0                                                |                                                                   |
| 12       | Ban QLDA khu vực Bù Đăng                          | 230.097           | 140.815                        | 140.815                         | 61,2%                      | 0                                                |                                                                   |
| 13       | Ban Quản lý dự án khu vực 04 (Thống Nhất)         | 756.023           | 427.295                        | 441.872                         | 58,4%                      | 14.577                                           |                                                                   |
| 14       | Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập                       | 290.021           | 167.897                        | 167.897                         | 57,9%                      | 0                                                |                                                                   |
| 15       | Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch | 1.068.894         | 617.886                        | 617.886                         | 57,8%                      | 0                                                |                                                                   |
| 16       | Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Định Quán  | 7.200             | 3.883                          | 3.883                           | 53,9%                      | 0                                                |                                                                   |
| 17       | Ban Quản lý dự án khu vực 11 (Tân Phú)            | 416.084           | 213.359                        | 222.032                         | 53,4%                      | 8.673                                            |                                                                   |
| 18       | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi    | 56.200            | 29.869                         | 29.869                          | 53,1%                      | 0                                                |                                                                   |
| 19       | Ban QLDA khu vực Bình Long                        | 202.981           | 98.205                         | 98.205                          | 48,4%                      | 0                                                |                                                                   |
| 20       | Ban Quản lý dự án khu vực 05 (Long Thành)         | 1.237.880         | 573.281                        | 574.437                         | 46,4%                      | 1.156                                            |                                                                   |
| 21       | Ban Quản lý dự án khu vực 02 (Long Khánh)         | 667.375           | 303.711                        | 303.711                         | 45,5%                      | 0                                                |                                                                   |
| 22       | Ban Quản lý dự án khu vực 09 (Vĩnh Cửu)           | 553.569           | 250.712                        | 251.898                         | 45,5%                      | 1.186                                            |                                                                   |
| 23       | Ban QLDA khu vực Hớn Quản                         | 304.468           | 134.000                        | 136.443                         | 44,8%                      | 2.443                                            |                                                                   |
| 24       | Ban QLDA khu vực Chơn Thành                       | 286.352           | 123.961                        | 127.986                         | 44,7%                      | 4.025                                            |                                                                   |
| 25       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                      | 13.000            | 5.787                          | 5.787                           | 44,5%                      | 0                                                |                                                                   |
| 26       | Ban QLDA khu vực Đồng Xoài                        | 375.806           | 155.380                        | 155.418                         | 41,4%                      | 38                                               |                                                                   |
| 27       | Sở Y tế                                           | 29.390            | 11.640                         | 11.640                          | 39,6%                      | 0                                                |                                                                   |
| 28       | Sở Khoa học và Công nghệ                          | 308.400           | 121.561                        | 121.561                         | 39,4%                      | 0                                                |                                                                   |
| 29       | Ban Quản lý dự án khu vực 03 (Trảng Bom)          | 839.811           | 308.942                        | 326.329                         | 38,9%                      | 17.387                                           |                                                                   |
| 30       | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai                  | 334.712           | 118.153                        | 118.616                         | 35,4%                      | 463                                              |                                                                   |
| 31       | Ban Quản lý dự án khu vực 10 (Định Quán)          | 540.949           | 184.444                        | 190.787                         | 35,3%                      | 6.343                                            |                                                                   |
| 32       | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai   | 7.151.489         | 2.447.252                      | 2.520.935                       | 35,3%                      | 73.683                                           |                                                                   |
| 33       | Công an tỉnh Đồng Nai                             | 911.812           | 311.543                        | 311.543                         | 34,2%                      | 0                                                |                                                                   |
| 34       | Sở Tư pháp                                        | 150               | 50                             | 50                              | 33,4%                      | 0                                                |                                                                   |
| 35       | Sở Tài chính                                      | 5.006             | 1.618                          | 1.618                           | 32,3%                      | 0                                                | Đã nghiệm thu khối lượng, dự kiến giải ngân 100% trước 25/10/2025 |

| STT | Đơn vị                                                                                  | Kế hoạch vốn | Lũy kế giải ngân đến 30/9/2025 | Lũy kế giải ngân đến 09/10/2025 | Tỷ lệ giải ngân 09/10/2025 | Giá trị đã giải ngân từ 30/9/2025 đến 09/10/2025 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------|---------|
| 36  | Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai                                              | 1.949.265    | 117.046                        | 117.046                         | 6,0%                       | 0                                                |         |
| 37  | Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai                                                              | 10.000       | 434                            | 434                             | 4,3%                       | 0                                                |         |
| 38  | Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Cẩm Mỹ                                           | 20.328       | 404                            | 404                             | 2,0%                       | 0                                                |         |
| 39  | Sở Công thương                                                                          | 2.343        | 38                             | 38                              | 1,6%                       | 0                                                |         |
| 40  | Sở Xây dựng                                                                             | 3.700        | 5                              | 5                               | 0,1%                       | 0                                                |         |
| 41  | Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)    | 8.036.500    |                                |                                 |                            |                                                  |         |
| 42  | Dự án: Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn I), huyện Long Thành | 1.200.000    |                                |                                 |                            |                                                  |         |
| 43  | CÁC DỰ ÁN DO XÃ GIAO CHỈ TIÊU, CẤP SAU QUYẾT TOÁN, VỐN CTMTQG,...                       | 1.399.196    | 1.027.586                      | 1.047.456                       |                            |                                                  |         |
| 44  | HOÀN TRẢ VỐN TẠM ỨNG                                                                    | 1.583.000    | 1.583.000                      | 1.583.000                       |                            |                                                  |         |